

UBND HUYỆN TIỀN LÃNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC HÙNG THẮNG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
Học kỳ II - Năm học 2024-2025

1. Chất lượng giáo dục

	Số	Tổng số HS có KQ ĐG	Lớp 1					Lớp 2					Lớp 3					Lớp 4					Lớp 5										
			Tổng số HS có KQ ĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQ ĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQ ĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQ ĐG	Trong tổng số				Tổng số HS có KQ ĐG	Trong tổng số									
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép		Khuyết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ	Dân tộc		Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ		Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật	
I. Kết quả học tập																																	
1. Tiếng Việt	944	944	157	66	1			9	194	80	1	1		2	171	74	2	2		5	214	102	2			3	208	108					1
Hoàn thành tốt		697	115	54	1			1	131	61					130	65	2	2			155	77	1				166	96					1
Hoàn thành		236	32	9				1	63	19	1	1		2	40	9				5	59	25	1			3	42	12					
Chưa hoàn thành		11	10	3				7							1																		
2. Toán	944	944	157	66	1			9	194	80	1	1		2	171	74	2	2		5	214	102	2			3	208	108					1
Hoàn thành tốt		706	118	55	1			1	141	62				1	115	55	2	2			161	79	1				171	93					1
Hoàn thành		228	31	10				3	53	18	1	1		1	54	19				5	53	23	1			3	37	15					
Chưa hoàn thành		10	8	1				5							2																		
3. Đạo đức	944	944	157	66	1			9	194	80	1	1		2	171	74	2	2		5	214	102	2			3	208	108					
Hoàn thành tốt		739	116	53	1			1	143	62					140	69	2	2		1	170	88	1				170	99					1
Hoàn thành		202	38	13				5	51	18	1	1		2	31	5				4	44	14	1			3	38	9					
Chưa hoàn thành		3	3					3																									
4. Tự nhiên và Xã hội	522	522	157	66	1			9	194	80	1	1		2	171	74	2	2		5													
Hoàn thành tốt		385	113	52	1			1	143	64					129	65	2	2															
Hoàn thành		134	41	14				5	51	16	1	1		2	42	9				5													
Chưa hoàn thành		3	3					3																									
5. Khoa học	422	422																		214	102	2				3	208	108					1
Hoàn thành tốt		328																		163	83	1					165	98					1
Hoàn thành		94																		51	19	1				3	43	10					
Chưa hoàn thành																																	
6. LS&ĐL	422	422																		214	102	2				3	208	108					1
Hoàn thành tốt		323																		155	78	1					168	98					1
Hoàn thành		99																		59	24	1				3	40	10					



[illegible]

Đạt		248	41	13			6	57	14	1	1		1	53	19			5	53	20	1			3	44	15				
Cần cố gắng		5	3				3							2																
Giao tiếp và hợp tác	944	944	157	66	1		9	194	80	1	1		2	171	74	2	2	5	214	102	2			3	208	108				1
Tốt		719	114	53	1			146	65				1	119	59	2	2		165	85	1				175	99				1
Đạt		222	40	13			6	48	15	1	1		1	52	15			5	49	17	1			3	33	9				
Cần cố gắng		3	3				3																							
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	944	944	157	66	1		9	194	80	1	1		2	171	74	2	2	5	214	102	2			3	208	108				1
Tốt		654	111	52	1			131	61				1	113	55	2	2		153	80	1				146	84				1
Đạt		283	40	11			3	63	19	1	1		1	57	19			5	61	22	1			3	62	24				
Cần cố gắng		7	6	3			6							1																
Năng lực đặc thù																														
Ngôn ngữ	944	944	157	66	1		9	194	80	1	1		2	171	74	2	2	5	214	102	2			3	208	108				1
Tốt		701	120	56	1		1	137	63					125	63	2	2		152	77	1				167	97				1
Đạt		233	28	7			1	57	17	1	1		2	45	11			5	62	25	1			3	41	11				
Cần cố gắng		10	9	3			7							1																
Tính toán	944	944	157	66	1		9	194	80	1	1		2	171	74	2	2	5	214	102	2			3	208	108				1
Tốt		708	118	55	1		1	143	65				1	115	53	2	2		161	79	1				171	94				1
Đạt		227	32	10			3	51	15	1	1		1	54	21			5	53	23	1			3	37	14				
Cần cố gắng		9	7	1			5							2																
Tin học	593	593												171	74	2	2	5	214	102	2			3	208	108				
Tốt		439												122	61	2	2		147	77	1				170	96				
Đạt		154												49	13			5	67	25	1			3	38	12				
Cần cố gắng																														
Công nghệ	593	593												171	74	2	2	5	214	102	2			3	208	108				1
Tốt		455												128	61	2	2		165	85	1				162	90				1
Đạt		138												43	13			5	49	17	1			3	46	18				
Cần cố gắng																														
Khoa học	944	944	157	66	1		9	194	80	1	1		2	171	74	2	2	5	214	102	2			3	208	108				1
Tốt		699	111	51	1		1	138	63					121	59	2	2		163	83	1				166	98				1
Đạt		242	43	15			5	56	17	1	1		2	50	15			5	51	19	1			3	42	10				
Cần cố gắng		3	3				3																							
Thẩm mĩ	944	944	157	66	1		9	194	80	1	1		2	171	74	2	2	5	214	102	2			3	208	108				1
Tốt		706	114	51	1		1	148	68					122	63	2	2		161	82	1				161	96				1
Đạt		236	41	15			6	46	12	1	1		2	49	11			5	53	20	1			3	47	12				
Cần cố gắng		2	2				2																							
Thể chất	944	944	157	66	1		9	194	80	1	1		2	171	74	2	2	5	214	102	2			3	208	108				1
Tốt		735	113	52	1			155	69					133	67	2	2		164	84	1				170	98				1



Đạt		206	41	14				6	39	11	1	1		2	38	7				5	50	18	1			3	38	10					
Cần cố gắng		3	3					3																									
III. Phẩm chất chủ yếu																																	
Yêu nước	944	944	157	66	1			9	194	80	1	1		2	171	74	2	2		5	214	102	2			3	208	108					1
Tốt		835	130	59	1			2	151	68					149	71	2	2			206	101	1			2	199	105					1
Đạt		109	27	7				7	43	12	1	1		2	22	3				5	8	1	1			1	9	3					
Cần cố gắng																																	
Nhân ái	944	944	157	66	1			9	194	80	1	1		2	171	74	2	2		5	214	102	2			3	208	108					1
Tốt		809	121	57	1			1	151	68				1	137	68	2	2			193	99	1			2	207	107					1
Đạt		135	36	9				8	43	12	1	1		1	34	6				5	21	3	1			1	1	1					
Cần cố gắng																																	
Chăm chỉ	944	944	157	66	1			9	194	80	1	1		2	171	74	2	2		5	214	102	2			3	208	108					1
Tốt		689	113	53	1				133	63					119	57	2	2			156	82	1				168	93					1
Đạt		249	39	10				4	61	17	1	1		2	51	17				5	58	20	1			3	40	15					
Cần cố gắng		6	5	3				5							1																		
Trung thực	944	944	157	66	1			9	194	80	1	1		2	171	74	2	2		5	214	102	2			3	208	108					1
Tốt		765	120	57	1			1	145	64					135	67	2	2			176	92	1			1	189	101					1
Đạt		179	37	9				8	49	16	1	1		2	36	7				5	38	10	1			2	19	7					
Cần cố gắng																																	
Trách nhiệm	944	944	157	66	1			9	194	80	1	1		2	171	74	2	2		5	214	102	2			3	208	108					1
Tốt		725	115	55	1				136	64					123	59	2	2			174	91	1			1	177	100					1
Đạt		218	41	11				8	58	16	1	1		2	48	15				5	40	11	1			2	31	8					
Cần cố gắng		1	1					1																									
IV. Đánh giá KQGD	944	944	157	66	1			9	194	80	1	1		2	171	74	2	2		5	214	102	2			3	208	108					1
- Hoàn thành xuất		187	32	18					37	18					34	19					42	29					42	28					
- Hoàn thành tốt		397	74	32	1				81	40					66	32	2	2			89	38	1				87	49					1
- Hoàn thành		348	41	13				2	76	22	1	1		2	69	23				5	83	35	1			3	79	31					
- Chưa hoàn thành		12	10	3				7							2																		
V. Khen thưởng		633	105	49					131	65					113	63	2	2			143	78	1				141	86					1
- Giấy khen cấp trường		527	88	40					111	55					95	51	2	2			118	62	1				115	68					1
- Giấy khen cấp trên		106	17	9					20	10					18	12					25	16					26	18					
VI. HSDT được trợ giảng																																	
VII. HS.K.Tật		20	9	3				9	2	1				2	5	1				5	3	1				3	1						1
VIII. HS bỏ học kỳ II																																	
+ Hoàn cảnh GDKK																																	
+ KK trong học tập																																	
+ Xa trường, đi lại K.khăn																																	

[illegible]

for the

Y. H. H.